

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						310 785	86 904	223 881			
I		CẢNG CHÍNH						68 628	31 902	36 726			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>33 579</i>	<i>31 902</i>	<i>1 677</i>			
1		THAN MIỀN NAM	23/09	1269/9	30/9	VINACOMIN HÀ NỘI	CÁM 5A.1	4 750	4 550	200	30/9	BAUXIT	THAY 1263/9
2		THAN MIỀN NAM	23/09	1269/9	30/9	VINACOMIN HÀ NỘI	CỤC 4A.2	2 400	2 260	140	30/9	BAUXIT	
3		ĐẠM NINH BÌNH	27/9	1280/9	30/9	NB 8901	CÁM 4A.1	2 380	2 335	45	30/9		MỎN: 2.341,60
4		ĐẠM NINH BÌNH	29/9	1282/9	30/9	NB 6039	CÁM 4A.1	1 729	1 674	55	30/9		MỎN: 1.710,28
5		ĐT TM DV	27/9	1215/09	30/9	BN 1336	CỤC XỎ 1C	1 020	654	366	RÓT DỖ	TD	GIA HẠN L1
6		KDT MIỀN BẮC (NGHI THIẾT)	26/9	1274/9	30/9	STAR CITY	CÁM 5A.1	21 300	20 430	870	RÓT DỖ	PTCB	
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<i>35 049</i>		<i>35 049</i>			
1		SÔNG HỒNG	29/9	1236/09	30/9	BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	30/9	1205/8	30/9	NB 8011	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		KDT BẮC THÁI	30/9	1206/8	30/9	BN 1363	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		DVVT QUẢNG NINH	30/9	1217/09	30/9	BN 1816	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	GIA HẠN L1
5		COALIMEX	30/9	1250/09	30/9	BN 0979	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		DVVT QUẢNG NINH	30/9	1218/09	30/9	BN 1348	CỤC XỎ 1C	990		990		TD	GIA HẠN L1
7		ĐT TM DV	03/09	1221/09		BN 1309	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	
8		DVVT QUẢNG NINH	04/09	1226/09	19/09	BN 1809	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
9		DVVT QUẢNG NINH	05/09	1232/09	20/09	BN 1835	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
10		KDT BẮC THÁI	07/09	1235/09		BN 2508	CÁM 1	900		900		TD	
11		KDT BẮC THÁI	21/09	1260/9	28/09	BN 1468	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
12		SÔNG HỒNG	22/09	1268/9	28/9	BN 1856	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	THAY 1187/8
13		SX&TM THAN UÔNG BÍ	27/9	1275/9	30/9	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
14		KDT BẮC THÁI	27/9	1276/9	30/9	NB 8111	CÁM 1	1 986		1 986		TD	
15		KDT BẮC THÁI	27/9	1277/9	30/9	BN 1459	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	
16		KDT BẮC THÁI	27/9	1278/9	30/9	BN 0988	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
17		ĐẠM NINH BÌNH	29/9	1281/9	30/9	NB 6661	CÁM 4A.1	1 903		1 903			
18		KDT HẢI PHÒNG	30/9	1283/9	30/9	BN 1135	CỤC XỎ 1C	910		910		TD	
19		KDT MIỀN BẮC (KIM THÁNH)	30/9	1284/9	30/9	HD 3833	CÁM 1	2 200		2 200		TD	
20		KDT MIỀN BẮC (KIM THÁNH)	30/9	1285/9	30/9	BN 2006	CÁM 1	1 000		1 000		TD	
21		KDT HÀ BẮC	30/9	1286/9	30/9	BN 1962	CÁM 5A.1	1 010		1 010		PTCB	
22		ĐẠM NINH BÌNH	30/9	1287/9	30/9	NB 6685	CÁM 4A.1	1 900		1 900			
23		KDT MIỀN BẮC (KIM THÁNH)	30/9	1290/9	30/9	BN 2633	CÁM 1	1 610		1 610		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
24		KDT MIỀN BẮC (NGHI THIẾT)	30/9	1291/9	30/9	TUẤN MINH 36	CẨM 5A.1	3 950		3 950		PTCB	
25		KDT MIỀN BẮC (NGHI THIẾT)	30/9	1292/9	30/9	AN BÌNH 99	CẨM 5A.1	3 400		3 400		PTCB	
		Tàu chuyển tải						128 400	27 955	100 445			
		Tàu đang làm hàng						50 500	27 955	22 545			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	22/09	1265/9		VIỆT THUẬN 215-02	CẨM 6A.1	21 300	5 598	15 702	RÓT DỖ		TTHG: 17.000 - KVCP: 4.300
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	22/09	1266/9		VIỆT THUẬN 30-06	CẨM 6A.10	29 200	22 357	6 843	RÓT DỖ		KDTCP: 9.000 - CLM: 14.000 - KVCP: 6.200
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						77 900		77 900			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	25/9	1270/9		HẢI NAM 39	CẨM 6A.10	28 550		28 550			KDTCP: 5.000 - CLM: 13.000 - KVCP: 10.550
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	26/9	1271-B/9		HẢI NAM 88	CẨM 6A.1	23 150		23 150			TTHG: 13.000 - KVCP: 10.150
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	30/9	1289/9		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CẨM 5A.14	26 200		26 200			KDTCP: 10.000 - CLM: 16.200
II		KHO G9-HÓA CHẤT						57 352	8 564	48 788			
		Tàu đã làm hàng						8 690	8 564	126			
1		COALIMEX	27/9	1 137	30/9	QN - 8540	CẨM 8A	5 400	5 312	88	30/9	PT CB	ĐN - CS
2		NINH BÌNH	29/9	1 194	30/9	BN - 1865	CỤC 1B	1 000	985	15	30/9	TD	CAO SƠN - THAY TB 600/9
3		NINH BÌNH	30/9	1 208	30/9	BN - 1666	CẨM 7B	1 190	1 173	17	30/9	PT CB	CAO SƠN
4		CP ĐTTM&DV	27/9	1 136	30/9	BN - 1959	CỤC 1C	1 100	1 094	6	30/9	TD	MÔNG DƯƠNG - THAY TB 292/9
		Tàu đã làm lệnh						48 662		48 662			
1		CP HÀNG HẢI VN	22/9	935	30/9	BN - 1816	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	ĐN - CS
2		SÔNG HỒNG	26/9	1 040	30/9	BN - 2625	CẨM 7C	900		900		TD	ĐN - CS
3		SÔNG HỒNG	26/9	1 048	30/9	BN - 0719	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
4		CP VT&KD THAN	26/9	1 069	30/9	BN - 2005	CẨM 8A	1 542		1 542		TD	ĐN - CS - THAY TB 1204/8
5		NGHỆ TĨNH	27/9	1 101	30/9	BN - 2122	CẨM 8A	2 000		2 000		TD	ĐN - CS
6		CẦU ĐUÔNG	27/9	1 102	30/9	BN - 2308	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	THỐNG NHẤT - THAY TB 620/8
7		CP ĐTTM&DV	27/9	1 105	30/9	BN - 1135	CỤC 1B	910		910		TD	CAO SƠN - THAY TB 1107/8
8		MIỀN NAM	27/9	1 106	30/9	HOÀNG ANH 39	CẨM 7A	3 000		3 000		TD	ĐN - CS
9		HÀ NAM NINH	27/9	1 111	30/9	NĐ - 3168	CẨM 8A	1 900		1 900		TD	ĐN - CS
10		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	29/9	1 184	30/9	BN - 1829	CẨM 8A	1 660		1 660		TD	ĐN - CS
11		CP HÀNG HẢI VN	29/9	1 185	30/9	BN - 2158	CẨM 8A	1 538		1 538		TD	ĐN - CS - THAY TB 1158/8
12		XD CN MỎ	29/9	1 191	30/9	BN - 2115	CỤC 1B	1 500		1 500		TD	ĐN - CS - CAO SƠN
13		CP DVVT QUẢNG NINH	30/9	1 205	30/9	HD - 1188	CỤC 1B	1 900		1 900		TD	THỐNG NHẤT
14		COALIMEX	30/9	1 209	30/9	HÀ HẢI 66	CẨM 7C	3 300		3 300		PT CB	ĐN - CS
15		MIỀN NAM	30/9	1 214	30/9	HP - 6093	CẨM 7C	2 000		2 000		TD	ĐN - CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
16		HÀ NAM NINH	30/9	1 217	30/9	BN - 1835	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
17		CP DVVT QUẢNG NINH	30/9	1 221	30/9	BN - 1799	CỤC 1B	900		900		TD	THỐNG NHẤT - THAY TB 71/8
18		CP ĐTTM&DV	30/9	1 222	30/9	BN - 2128	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
19		CP ĐTTM&DV	30/9	1 223	30/9	HD - 2056	CÁM 8A	1 100		1 100		TD	ĐN - CS
20		SÔNG HỒNG	30/9	1 224	30/9	BN - 1368	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
21		MIỀN NAM	30/9	1 225	30/9	AN THÀNH 18	CÁM 8A	2 400		2 400		TD	ĐN - CS
22		CẦU ĐUỐNG	30/9	1 226	30/9	BN - 2203	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	ĐN - CS
23		COALIMEX	30/9	1 228	30/9	QN - 7596	CÁM 8A	1 700		1 700		TD	ĐN - CS
24		MIỀN TRUNG	30/9	1 229	30/9	PHÚC THỊNH 18	CÁM 7A	1 930		1 930		TD	ĐN - CS
25		NINH BÌNH	30/9	1 230	30/9	TB 1382	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	CAO SƠN - THAY TB 1093/8
26		CP ĐTTM&DV	30/9	1 234	30/9	BN - 0808	CÁM 8A	1 681		1 681		TD	ĐN - CS
27		HÀ NỘI	30/9	1 235	30/9	BN - 2225	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - THAY TB 452/9
28		CP ĐTTM&DV	30/9	1 236	30/9	PT - 2698	CỤC 1A	1 200		1 200		TD	ĐN - CS - THAY TB 1100/8
29		COALIMEX	30/9	1 237	30/9	BN - 1879	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - THAY TB 1181/8
30		CP VT THUỶ	30/9	1 238	30/9	HD 1818	CÁM 8A	1 981		1 981		TD	CAO SƠN
31		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	30/9	1 239	30/9	NB 8927	CÁM 8A	3 020		3 020		TD	CAO SƠN
III		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						<u>1 100</u>	<u>1 064</u>	<u>36</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>1 100</i>	<i>1 064</i>	<i>36</i>			
1		DVVT QUẢNG NINH	29/9	1189/9	30/9	BN 1079	CỤC XỎ 1B	1 100	1 064	36	30/9	TD	THAY 746/9
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
IV		<u>KHO CẢNG KM6</u>						<u>29 505</u>	<u>13 519</u>	<u>15 986</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>14 220</i>	<i>13 519</i>	<i>701</i>			
1		VTT VINACOMIN	27/9	1 035	30/9	BN 1548	Đon 8a	1 000	993	7	30/9	TD	
2		KDT HÀ NAM NINH	27/9	1 100	30/9	HY 0600	Cám 5b.1	1 550	1 546	4	30/9	CBPT	
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (VIỆT THUẬN 215-02)	27/9	134	07/10	CỬA ÔNG 14	Cám 6a.1	2 100	1 509	591	30/9		
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (HẢI NAM 88)	27/9	137	07/10	QNL-TĐ03(QN 8437)	Cám 6a.1	5 376	5 362	14	30/9		
5		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (HẢI NAM 88)	29/9	138	09/10	SƠN HẢI 07	Cám 6a.1	2 294	2 284	10	30/9		
6		THAN MIỀN NAM	29/9	1 192	30/9	TRUNG THÀNH 168	Cục 1b	1 900	1 825	75	30/9	TD	Nguồn QH
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>15 285</i>		<i>15 285</i>			
1		DV VT QUẢNG NINH	27/9	1 039	30/9	BN 1865	Đon 8a	1 100		1 100		TD	RÚT CV
2		KDT MIỀN BẮC	29/9	1 183	30/9	HP 6286	Cám 6a.1	5 872		5 872		CBPT	
3		THAN ỒNG BÌ	29/9	1 193	30/9	BN 0936	Đon 8a	1 000		1 000		TD	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2025

[illegible]